

Bản tin Phân tích kỹ thuật

25/03/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G4000 đóng cửa vượt đường MA20, MA50 và tại mức giá cao nhất ngày cho thấy đà tăng lẩn át hoàn toàn. (M15)
- Dựa trên tín hiệu hiện tại, dự báo hợp đồng sẽ tiếp tục tăng với mục tiêu là vùng 1.835 điểm. Khuyến nghị mở vị thế mua và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 1.800 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 1.810 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.835 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.800 điểm

Quan điểm kỹ thuật



- Tất cả các rổ chỉ số tăng đồng thuận trong phiên 25/03 với sắc xanh lan rộng trên sàn HOSE (276 mã). Thanh khoản cải thiện trên các rổ chỉ số cho thấy hoạt động mua đã tích cực hơn.
- So với trạng thái thăm dò ở phiên 24/03, lực cầu trong phiên 25/03 có mức độ lan tỏa rộng hơn, giá tăng đồng đều trên nhiều nhóm ngành như Ngân hàng, Bán lẻ, Chứng khoán, Vật liệu, CNTT, Công nghiệp và Năng lượng. Ngược lại, lực bán giá cao chủ yếu xuất hiện tại nhóm Dầu khí với mức độ dàn trải thấp và chưa chi phối các nhóm ngành còn lại.
- Trạng thái cung cầu cho thấy lực cầu đã cải thiện đáng kể so với phiên trước, trong khi chưa ghi nhận áp lực bán đột biến khi VN-Index tiếp cận vùng 1.650 điểm. Tuy nhiên, vùng 1.650–1.670 điểm vẫn tiềm ẩn rủi ro điều chỉnh do áp lực bán tồn đọng từ giai đoạn trước. Nếu chỉ số tiếp tục tăng điểm, độ biến động nhiều khả năng sẽ gia tăng.
- Trong bối cảnh đó, nhóm DV Tiện ích và Xây dựng có rủi ro chịu tác động từ lực bán ngắn hạn thấp hơn mặt bằng chung, do đó vị thế mở mới ngắn hạn có thể cân nhắc với tỷ trọng thăm dò tại các nhóm ngành này.

Cổ phiếu khuyến nghị theo PTKT



REE

- REE vượt vùng đỉnh 70.000 đi kèm thanh khoản cải thiện cho thấy sự tích cực từ hoạt động mua giá cao.
- Dự báo cổ phiếu sẽ tiếp tục duy trì xu hướng tăng đang có với mục tiêu là vùng 79.000. Khuyến nghị mở vị thế mua ngắn hạn trên REE và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 65.800.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
68.800-69.800	79.000	65.800



PC1

- PC1 vượt đường MA20 và MA50, xác nhận sự tiếp tục của xu hướng tăng với mục tiêu là vùng giá cao 30.000-31.500.
- Khuyến nghị mở vị thế mua ngắn hạn trên PC1 và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 26.000.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
27.500-27.900	30.000-31.500	26.000

Cổ phiếu khuyến nghị theo PTKT



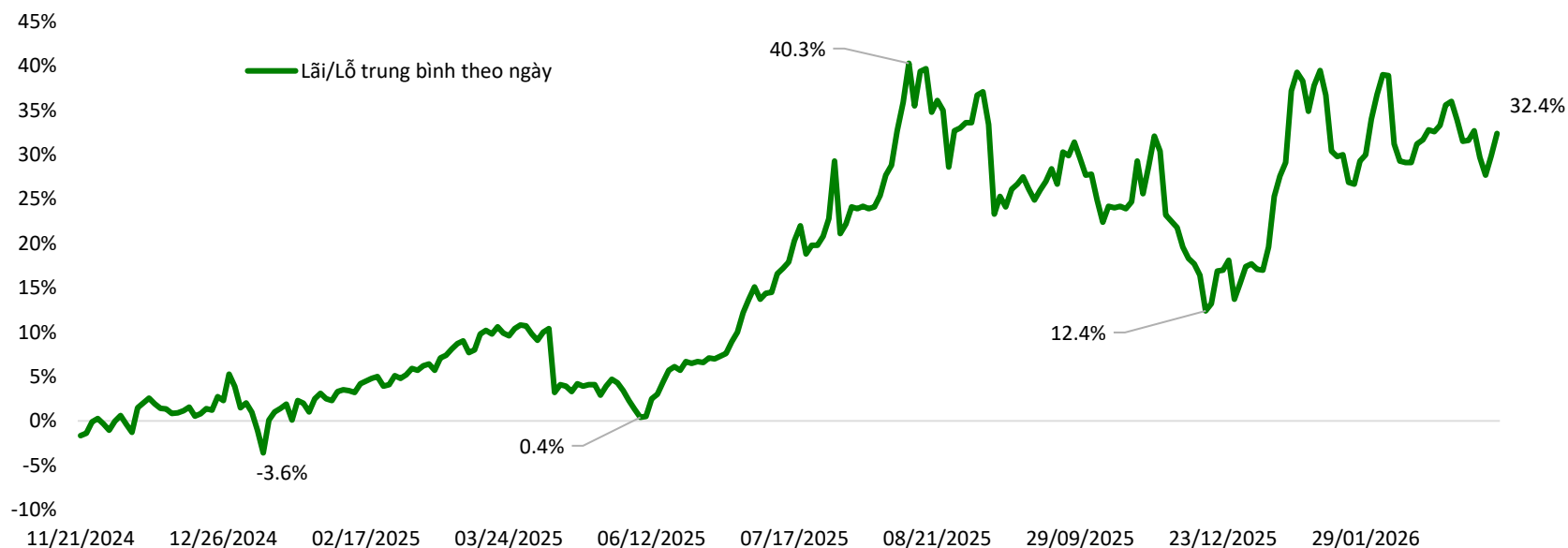
CTD

- CTD tăng giá vượt đường MA20 và MA50, xác nhận tín hiệu xu hướng tăng, cải thiện xác suất tiếp cận vùng 90.000-92.000.
- Khuyến nghị mở vị thế mua ngắn hạn trên CTD và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 80.400..

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
83.000-84.100	89.900-92.000	80.400

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
BVH	24/03/2026		Đang mở	85,900	75,400	13.9%	71,000	82,500	78,000	92,000



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	128,700	3.79%	-11.85%	991,766	7.841	1,739	6.7	74.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHM	104,200	5.25%	2.16%	427,992	4.689	10,200	1.8	10.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VPB	26,300	4.16%	2.73%	208,662	1.810	3,024	1.2	8.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	30,500	6.27%	-10.29%	122,000	1.596	1,406	2.2	21.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	30,800	3.18%	1.65%	218,256	1.449	3,577	1.3	8.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPL	82,500	4.04%	6.04%	147,947	1.245	615	4.0	134.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCX	53,000	4.74%	0.76%	122,514	1.212	2,713	2.8	19.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
BSR	27,500	4.17%	-10.28%	137,701	1.197	1,036	2.3	26.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MWG	79,200	4.21%	-5.38%	116,299	1.021	4,775	3.6	16.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HAV	22,050	6.78%	3.04%	68,609	0.970	2,947	11.4	7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BVH	85,900	6.97%	14.23%	63,766	0.928	3,996	2.6	21.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
GAS	82,500	2.23%	-10.03%	199,068	0.926	4,730	3.0	17.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	34,050	1.49%	-2.71%	264,464	0.822	4,454	1.5	7.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	23,800	3.03%	0.21%	122,252	0.773	3,042	1.3	7.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	26,000	1.56%	-1.14%	209,430	0.683	3,325	1.5	7.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	85,000	3.66%	5.46%	76,482	1.432	17,478	4.3	4.9	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
KSV	143,700	5.97%	-8.76%	28,740	0.878	10,115	5.6	14.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	46,800	4.70%	6.36%	17,761	0.427	5,090	2.8	9.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	42,200	2.93%	-1.86%	21,582	0.323	3,560	1.4	11.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SHS	16,000	3.90%	-1.23%	14,391	0.287	1,500	1.1	10.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVI	79,600	2.98%	3.24%	18,646	0.284	4,709	2.3	16.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	16,700	3.09%	3.09%	17,840	0.282	434	1.7	38.4	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	23,600	3.06%	-3.28%	15,748	0.246	1,883	2.0	12.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	16,400	4.46%	9.33%	9,306	0.212	312	1.5	52.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	10,900	1.87%	-2.68%	20,978	0.201	0	1.5	185,109.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

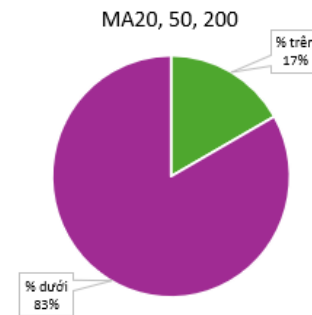
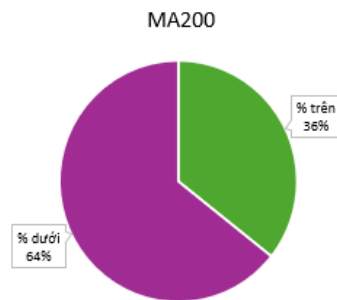
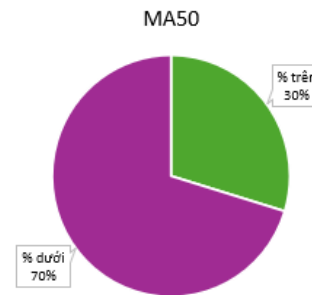
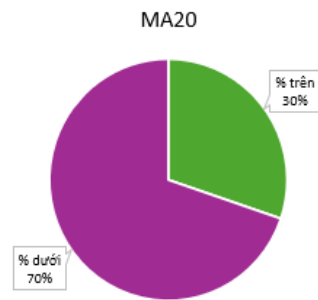
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	87,300	3.56%	1.51%	261,609	0.355	3,063	6.4	28.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
MSR	49,700	10.44%	-2.17%	53,227	0.212	10	4.4	4,711.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ACV	45,100	1.58%	-6.43%	161,219	0.097	3,026	2.3	14.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
OIL	15,600	5.41%	-13.33%	16,091	0.033	420	1.5	37.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MVN	49,700	1.43%	-1.00%	59,579	0.032	1,622	4.2	30.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CC1	35,000	-5.15%	-5.41%	13,927	-0.027	588	3.2	59.6	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
SGB	12,000	12.15%	-3.23%	4,463	0.021	337	1.1	36.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VEA	33,600	1.20%	-1.18%	44,458	0.020	5,512	1.7	6.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
F88	133,500	3.49%	-4.30%	14,548	0.019	6,543	5.9	20.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VIW	43,600	-14.68%	-17.74%	2,530	-0.014	368	4.1	118.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
REE	70,900	6.9%	269.8	73.1	52,202	68,592	1.8	15.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
QTP	14,300	4.4%	35.1	13.4	11,489	14,100	1.1	6.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TTA	12,400	6.9%	55.3	6.7	8,914	12,381	0.9	9.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TV1	39,400	9.7%	10.5	4.8	19,679	37,100	2.0	6.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
AMS	9,300	12.0%	14.1	1.7	6,700	8,800	0.6	9.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TTA	12,400	6.9%	55.3	6.7	8,914	12,381	0.9	9.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AMS	9,300	12.0%	14.1	1.7	6,700	8,800	0.6	9.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			25/03/2026	24/03/2026	23/03/2026	20/03/2026	19/03/2026	18/03/2026	17/03/2026	16/03/2026
VNINDEX	MA200	Trên	29%	26%	24%	30%	31%	34%	33%	32%
		Dưới	71%	74%	76%	70%	69%	66%	67%	68%
	MA50	Trên	24%	19%	16%	23%	24%	26%	26%	26%
		Dưới	76%	81%	84%	77%	76%	74%	74%	74%
	MA20	Trên	28%	18%	14%	20%	20%	22%	22%	23%
		Dưới	72%	82%	86%	80%	80%	78%	78%	77%
VN30	MA200	Trên	30%	20%	23%	33%	50%	50%	47%	43%
		Dưới	70%	80%	77%	67%	50%	50%	53%	57%
	MA50	Trên	3%	0%	0%	3%	7%	7%	7%	10%
		Dưới	97%	100%	100%	97%	93%	93%	93%	90%
	MA20	Trên	20%	10%	7%	10%	13%	17%	17%	10%
		Dưới	80%	90%	93%	90%	87%	83%	83%	90%
HNX	MA200	Trên	38%	36%	36%	39%	40%	43%	41%	42%
		Dưới	62%	64%	64%	61%	60%	57%	59%	58%
	MA50	Trên	32%	27%	29%	33%	36%	38%	37%	38%
		Dưới	68%	73%	71%	67%	64%	62%	63%	62%
	MA20	Trên	38%	36%	36%	39%	40%	43%	41%	42%
		Dưới	62%	64%	64%	61%	60%	57%	59%	58%
UPCOM	MA200	Trên	31%	27%	25%	28%	29%	28%	29%	29%
		Dưới	69%	73%	75%	72%	71%	72%	71%	71%
	MA50	Trên	32%	29%	28%	30%	32%	31%	31%	32%
		Dưới	68%	71%	72%	70%	68%	69%	69%	68%
	MA20	Trên	38%	36%	37%	39%	39%	39%	40%	40%
		Dưới	62%	64%	63%	61%	61%	61%	60%	60%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17		Tháng 3																	Tháng 2		
		25 ↓	24	23	20	19	18	17	16	13	12	11	10	09	06	05	04	03	02	27	26
📌 1	Y tế	66	65	64	65	66	62	63	60	60	73	74	-	-	-	-	-	-	54	61	62
📌 2	Điện, nước & xăng d...	65	61	62	64	63	62	62	63	64	62	58	54	62	75	80	80	81	69	64	62
3	Dầu khí	52	50	54	60	66	61	63	67	75	80	78	77	83	90	91	93	92	85	89	86
4	Bảo hiểm	48	41	35	34	31	32	31	30	31	31	31	28	33	35	37	47	54	55	63	70
📌 5	Bán lẻ	45	40	39	43	44	44	44	48	50	51	43	39	43	52	56	63	69	71	88	88
📌 6	Tài nguyên Cơ bản	45	45	48	50	51	49	50	51	55	54	54	48	46	48	51	55	57	66	71	72
📌 7	Xây dựng và Vật liệu	42	37	38	42	39	40	42	45	41	37	36	34	38	44	44	47	50	54	61	64
📌 8	Hàng cá nhân & Gia ...	41	39	43	48	51	53	52	52	58	59	58	49	56	63	68	71	69	72	74	74
📌 9	Hàng & Dịch vụ Cón...	39	36	39	44	47	46	45	47	52	53	50	50	56	62	63	68	68	66	67	64
📌 10	Ô tô và phụ tùng	39	34	33	33	37	40	43	43	42	40	39	36	37	42	44	50	54	53	59	61
📌 11	Hóa chất	37	37	42	48	54	52	55	60	67	66	63	60	64	69	72	78	81	76	75	75
12	Bất động sản	34	28	27	31	31	32	32	30	28	22	20	19	20	24	26	25	30	31	37	38
📌 13	Ngân hàng	31	26	28	33	36	37	35	34	35	35	36	31	35	37	40	43	49	55	62	64
📌 14	Thực phẩm và đồ ướ...	31	30	30	34	36	38	38	38	38	37	35	31	33	38	41	43	44	45	57	63
15	Dịch vụ tài chính	28	27	29	30	33	36	36	36	39	42	43	42	51	59	55	54	52	58	61	63
📌 16	Du lịch và Giải trí	20	18	19	21	21	20	21	25	25	25	23	22	24	27	31	31	36	45	43	46
📌 17	Công nghệ Thông tin	12	10	10	11	11	12	12	10	10	11	11	10	10	13	13	14	17	24	33	34

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VCK	35,500	-0.4%	1.4%	86,440	3.0	22.0	1,613	134.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BVH	85,900	7.0%	14.2%	63,766	2.6	21.5	3,996	129.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
REE	70,900	6.9%	10.8%	38,404	1.8	15.2	4,669	269.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FRT	158,600	0.4%	5.9%	27,010	6.5	34.0	4,667	59.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	16,700	3.1%	3.1%	17,840	1.7	38.4	434	77.3	Tích cực	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	46,800	4.7%	6.4%	17,761	2.8	9.2	5,090	164.5	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HDG	30,600	2.5%	10.5%	11,321	1.7	16.1	1,907	174.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
CTD	84,100	3.4%	3.2%	8,957	1.0	11.4	7,388	82.0	Tích cực	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Tích cực
KOS	38,950	0.4%	1.2%	8,432	3.6	447.6	87	15.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
QTP	14,300	4.4%	8.3%	6,404	1.1	6.1	2,336	35.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEG	17,150	6.9%	4.9%	6,145	1.4	10.3	1,663	73.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PET	45,300	7.0%	5.8%	4,835	2.0	18.8	2,415	60.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MIG	19,550	4.5%	12.4%	4,135	1.6	12.7	1,542	21.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
PPC	11,150	4.7%	4.7%	3,575	0.8	21.1	530	22.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TV2	39,350	6.9%	8.3%	2,657	2.0	28.1	1,399	61.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính
TTA	12,400	6.9%	8.8%	2,214	0.9	9.6	1,297	55.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PAC	28,000	6.9%	9.8%	1,952	1.9	16.6	1,688	69.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
MZG	13,300	0.8%	6.4%	1,541	1.0	12.0	1,104	10.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CRC	10,500	5.0%	13.9%	1,120	1.4	13.6	770	43.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TV1	39,400	9.7%	8.8%	1,039	2.0	6.9	5,627	10.5	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TCM	22,500	1.4%	-4.3%	2,521	1.0	9.4	2,402	31.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LPB	41,800	-0.2%	-4.2%	124,868	2.7	10.9	3,824	39.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	54,700	4.2%	-14.5%	20,774	1.4	6.9	7,965	236.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BAF	34,450	0.7%	-2.0%	10,474	2.6	101.0	341	78.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTP	56,000	2.0%	-3.8%	9,578	2.3	9.7	5,805	17.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CMG	28,800	2.3%	-3.4%	6,708	2.1	17.0	1,700	6.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HT1	14,900	3.1%	-8.0%	5,686	1.1	20.8	717	8.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DDV	27,400	1.5%	-7.1%	3,954	1.8	6.3	4,318	40.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CSV	26,750	2.1%	-7.3%	2,956	1.9	14.2	1,891	15.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
YEG	10,100	1.7%	-7.3%	1,937	0.9	21.8	463	12.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	23,100	2.7%	-14.4%	1,866	1.5	137.6	168	6.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VOS	12,850	2.8%	-10.1%	1,799	0.9	5.9	2,177	18.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GCF	22,000	-6.0%	-12.7%	953	1.4	8.5	2,604	5.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	58,400	0.3%	-3.5%	487,971	2.2	13.9	4,210	499.8	Tiêu cực	-6.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGX	12,100	1.7%	-5.5%	6,053	0.8	6.9	1,745	15.4	Tiêu cực	-6.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	39,500	1.0%	-4.4%	277,344	1.7	9.2	4,279	342.8	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	26,350	1.5%	-1.7%	202,249	1.6	13.1	2,013	602.8	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	45,100	1.6%	-6.4%	161,219	2.3	14.9	3,026	33.3	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	30,500	6.3%	-10.3%	122,000	2.2	21.7	1,406	118.7	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VJC	153,000	0.0%	-4.4%	90,517	3.7	41.1	3,728	196.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DXS	6,370	2.74%	1.11%	13,600	119.4%	581	0.6	11.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	14,150	3.28%	2.54%	24,000	75.2%	229	1.1	61.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
KDH	25,850	3.40%	-1.34%	43,700	74.8%	943	1.6	27.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	54,700	4.19%	-14.53%	91,200	73.7%	7,965	1.4	6.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	14,700	-2.00%	-3.61%	25,500	70.0%	357	1.2	41.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	29,300	3.90%	5.78%	45,800	62.4%	1,805	1.1	16.2	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
GEX	35,600	5.95%	1.71%	54,000	60.7%	1,638	1.8	21.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SSI	26,850	3.67%	-4.11%	40,800	57.5%	1,980	2.1	13.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	77,000	2.12%	-2.04%	116,600	54.6%	5,515	3.6	14.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KBC	28,900	4.52%	-7.96%	42,500	53.7%	2,450	1.1	11.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	28,500	2.70%	-2.90%	42,400	52.8%	1,916	1.6	14.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	13,800	4.15%	6.15%	20,000	50.9%	862	0.7	16.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
VPB	26,300	4.16%	2.73%	38,000	50.5%	3,024	1.2	8.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	45,500	5.69%	-2.26%	64,100	48.9%	3,130	2.4	14.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	45,100	1.58%	-6.43%	64,600	45.5%	3,026	2.3	14.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVT	21,700	2.36%	-12.50%	30,800	45.3%	2,208	1.2	9.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HDC	17,950	4.36%	1.41%	24,600	43.0%	3,200	1.2	5.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	23,100	2.67%	-14.44%	31,900	41.8%	168	1.5	137.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	42,200	2.93%	-1.86%	58,100	41.7%	3,560	1.4	11.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSN	73,200	1.53%	-2.79%	101,200	40.4%	2,710	3.0	27.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn